

CHÍNH PHỦ
Số: 82-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 8 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH

*Ban hành quy chế đặt và hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại
Việt Nam*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

*Để chấn chỉnh quản lý Nhà nước đối với Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại
Việt Nam;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1

Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2

Nghị định này thay thế Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

**ĐẶT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 82-CP ngày 2-8-1994)

**CHƯƠNG I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1

Các tổ chức kinh tế nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này, được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam để thiết lập các mối quan hệ kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam.

Điều 2

Điều kiện để tổ chức kinh tế nước ngoài được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

- 1- Tổ chức kinh tế nước ngoài được thành lập phù hợp với pháp luật nước mình;
- 2- Đã hoạt động không dưới 5 năm;
- 3- Có dự án đầu tư, thương mại được phía Việt Nam quan tâm và có khả năng thực hiện nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, thương mại của Việt Nam.

Đối với các tập đoàn kinh tế nước ngoài xin đặt Văn phòng đại diện để thực hiện các dự án đầu tư có số vốn từ 10 triệu USD trở lên hoặc thúc đẩy việc thực hiện các hợp đồng nhập khẩu hàng hoá sản xuất, chế biến tại Việt Nam sẽ được giảm nhẹ điều kiện quy định tại điểm 2 Điều này và được ưu tiên xem xét cấp giấy phép.

Điều 3

Phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam:

Xúc tiến xây dựng các dự án, chương trình hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật được phía Việt Nam quan tâm.

Đôn đốc, giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, thương mại và khoa học kỹ thuật đã ký kết với các doanh nghiệp của Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Không được trực tiếp kinh doanh, làm dịch vụ và thu tiền tại Việt Nam dưới bất cứ hình thức nào. Trưởng Văn phòng đại diện và nhân viên làm việc trong Văn phòng không được ký kết hợp đồng kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam nếu không có giấy uỷ nhiệm hợp pháp của Chủ hãng hoặc Giám đốc điều hành của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 4

Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc huỷ bỏ giấy phép cho tổ chức kinh tế nước ngoài đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

CHƯƠNG II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, BỔ SUNG VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 5

Tổ chức kinh tế nước ngoài xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải gửi đơn tới Bộ Thương mại (theo mẫu thống nhất do Bộ Thương mại quy định) gồm 1 bản bằng tiếng Việt Nam, 1 bản bằng một trong các thứ tiếng nước ngoài thông dụng.

Kèm theo đơn xin phép đặt Văn phòng đại diện, tổ chức kinh tế nước ngoài cần xuất trình:

- 1- Điều lệ hoặc tài liệu cần thiết chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức kinh tế;
- 2- Giấy chứng nhận của Ngân hàng hoặc của cơ quan pháp lý có thẩm quyền phía nước ngoài xác định số vốn pháp định của tổ chức kinh tế.

Điều 6

Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại phải trả lời kết quả (cấp hay không cấp giấy phép) cho tổ chức kinh tế nước ngoài đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Điều 7

Giấy phép đặt Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam phải ghi rõ mục đích, phạm vi hoạt động của Văn phòng theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Giấy phép có giá trị trong thời hạn 3 (ba) năm kể từ ngày cấp, và có thể được gia hạn từng 3 năm một theo đề nghị của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 8

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện; và trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày gia hạn giấy phép, tổ chức kinh tế nước ngoài

phải hoàn thành thủ tục đăng ký hoạt động với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

Sau khi cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng đại diện (theo mẫu thống nhất do Bộ Thương mại quy định), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải gửi cho Bộ Thương mại một bản sao giấy đăng ký để theo dõi, kiểm tra thực hiện.

Điều 9

Tổ chức kinh tế nước ngoài có yêu cầu thay đổi tên gọi, trụ sở chính, trụ sở chi nhánh Văn phòng đại diện của mình từ tỉnh này sang tỉnh khác; yêu cầu bổ sung phạm vi hoạt động hoặc gia hạn giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam, đều phải báo cáo xin phép Bộ Thương mại, và chỉ được thay đổi, tiếp tục hoạt động khi có văn bản chấp thuận.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu, Bộ Thương mại phải có văn bản trả lời tổ chức kinh tế nước ngoài biết kết quả việc xin thay đổi, gia hạn hoặc bổ sung giấy phép hoạt động của Văn phòng đại diện.

Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, tổ chức kinh tế nước ngoài muốn thay đổi người Trưởng đại diện và/hoặc nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện, phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đóng trụ sở và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận. Thời hạn trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là 15 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 10

Hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế nước ngoài được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 1- Hết thời hạn ghi trong giấy phép;
- 2- Theo đề nghị của tổ chức kinh tế nước ngoài;
- 3- Theo quyết định của Bộ Thương mại về việc thu hồi giấy phép nếu Văn phòng đại diện vi phạm những quy định của Quy chế này.

Trong các trường hợp nói trên, Bộ Thương mại phải có văn bản thông báo cho tổ chức kinh tế nước ngoài và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đóng trụ sở biết 30 ngày trước khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

Điều 11